

Trách nhiệm pháp lý quốc tế

Lê Văn Bình*

*Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội,
144 Xuân Thủy, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận ngày 25 tháng 5 năm 2012

Tóm tắt. Lợi ích quốc gia trong quan hệ quốc tế luôn gắn liền với trách nhiệm quốc tế của quốc gia đó. Trên tinh thần thượng tôn pháp luật, trách nhiệm pháp lý quốc tế đã thể hiện là một trong các điều kiện tiên quyết để duy trì hòa bình và thiết lập trật tự pháp lý quốc tế nói chung, giải quyết hay “dung hòa” lợi ích giữa các quốc gia tham gia vào quan hệ pháp luật quốc tế nói riêng. Đây là một vấn đề quan trọng mà tác giả muốn trao đổi cùng độc giả.

1. Đặt vấn đề

Trách nhiệm trong Luật quốc tế liên quan trực tiếp với chức năng duy trì hòa bình, thiết lập trật tự pháp lý quốc tế và đảm bảo sự công bằng trong giải quyết các tranh chấp quốc tế. Trong lịch sử phát triển pháp luật, các xung đột trước đây được giải quyết bằng các phương tiện có tính thô bạo với việc sử dụng vũ lực, nhưng cùng với sự phát triển của luật quốc tế, con người đã tìm ra một cơ chế đặc biệt hơn đó là công lý, công lý đã đem lại sự công bằng trong giải quyết các xung đột lợi ích giữa các quốc gia mà ít phải nhờ tới phương tiện vũ trang. Theo đó, trong Luật quốc tế bắt đầu hình thành một chế định mới để buộc các chủ thể luật quốc tế phải chịu trách nhiệm vì thiệt hại do chính họ gây ra.

Hiện nay, càng có ý nghĩa hơn khi chế định trách nhiệm đã và đang trở thành một phương tiện hữu ích nhất để phòng ngừa chiến tranh, duy trì trật tự quốc tế, khôi phục sự công bằng và bình đẳng trong quan hệ quốc tế.

Trên cơ sở lý luận và lịch sử, bài viết sẽ phân tích về: nguyên nhân xuất hiện và sự phát triển chế định trách nhiệm pháp lý quốc tế; tầm quan trọng và quan hệ của chế định này với các quốc gia trong quan hệ quốc tế hiện đại; lịch sử phát triển về nguồn và việc pháp điển hóa các quy phạm về trách nhiệm; cấu thành vi phạm luật quốc tế làm cơ sở để áp dụng trách nhiệm; các hình thức trách nhiệm vật chất và phi vật chất.

2. Lịch sử xuất hiện chế định trách nhiệm pháp lý quốc tế

Ý tưởng nghiên cứu chế định trách nhiệm pháp lý quốc tế đã được thực hiện vào cuối thế kỷ XIX và những năm đầu của thế kỷ XX. Đầu tiên là luật gia người Đức A.G. Geffterom đã chuyển trách nhiệm pháp luật dân sự từ sai lầm cá nhân và hợp đồng vào lĩnh vực luật quốc tế, tiếp đến là Hội nghị của các quốc gia châu Mỹ (vào các năm 1889, 1890 và 1902) thông qua Công ước đề cập đến các quyền của công dân nước ngoài theo hai nguyên tắc: *Một là*, nhà nước phải chịu trách nhiệm về thiệt hại đã gây

* ĐT: 84-4-38219284.

E-mail: binhlevan1962@gmail.com

ra cho thể nhân hoặc tài sản của người nước ngoài, nếu thiệt hại là kết quả vi phạm các cam kết của cơ quan Nhà nước; và *Hai là*, nhà nước chỉ có thể bảo vệ ngoại giao đối với người bị thiệt hại là công dân, sau khi quốc gia sở tại giải quyết các quan hệ pháp lý của người có liên quan. Đến năm 1907, Công ước "*Về tuân thủ các đạo luật và các tập quán chiến tranh trên bộ*" được thông qua - đây là Công ước đầu tiên có nội dung quy định quốc gia phải chịu trách nhiệm vật chất và có nghĩa vụ phải bồi thường thiệt hại khi thực hiện hành vi trái luật.

Sau thế chiến thứ nhất, Hội quốc liên (HQL) được thành lập nhằm giữ gìn hòa bình và trật tự trên thế giới, Hiến chương của HQL đã định chế tính thượng tôn sự công bằng và tận tâm đối với tất cả các cam kết điều ước điều chỉnh quan hệ giữa các dân tộc trong Tổ chức quốc tế này. HQL đã thành lập Pháp viện thường trực quốc tế, đây là cơ quan tư pháp quốc tế thường trực đầu tiên trong lịch sử nhân loại hoạt động thường xuyên. Tuy nhiên, trong Hiến ước HQL còn thiếu quy phạm cấm sử dụng vũ lực, đây là điều kiện tối quan trọng đối với hòa bình và an ninh quốc tế. Để bổ sung khiếm khuyết trên, HQL đã thông qua Nghị định thư "*Về việc giải quyết hòa bình các tranh chấp*" năm 1924, trong đó đã công nhận chiến tranh xâm lược là tội phạm quốc tế và đưa ra định nghĩa xâm lược, nhưng tiếc rằng Nghị định thư đã không có hiệu lực. HQL đã được trao nhiều quyền năng để có thể phối hợp sức mạnh của các quốc gia nhằm bảo đảm hòa bình và trật tự quốc tế, nhưng chính các quan hệ dân tộc chủ nghĩa đã làm suy yếu chức năng của HQL. Điều đó đã được minh chứng khi Đức và Nhật Bản bắt đầu thực hiện các hành vi xâm lược. Anh, Pháp và Hoa Kỳ tiến hành chiếm đóng Tiệp Khắc. Liên Xô bị khai trừ khỏi HQL vì chiến tranh với Phần Lan.

Tại Hội nghị các Bộ trưởng Ngoại giao ở Moscow (1943), Liên Xô, Hoa Kỳ và Vương quốc Anh đã thông qua Tuyên bố "*Về trách nhiệm tội ác của Hitlerite*". Tuyên bố này được xem là một trong những văn bản pháp lý quốc tế quan trọng đầu tiên đề cập đến trách nhiệm

quốc tế. Năm 1946, Tòa án quân sự quốc tế Nuremberg⁽¹⁾ đã ra phán quyết về tội ác chiến tranh và đã được LHQ công nhận. Hiến chương LHQ đã ghi nhận tiền lệ truy cứu trách nhiệm pháp lý quốc tế đối với quốc gia đã thực hiện tội ác quốc tế, đồng thời định chế nguyên tắc hợp tác quốc tế và nguyên tắc giải quyết các tranh chấp quốc tế bằng biện pháp hòa bình, từ bỏ quan điểm về sử dụng vũ lực đã kéo dài nhiều thế kỷ.

Tại kỳ họp đầu tiên năm 1949, Ủy ban Luật quốc tế LHQ bắt đầu xem xét các vấn đề liên quan đến trách nhiệm quốc tế, đặt nền móng cho sự hình thành các quy phạm về trách nhiệm quốc tế. Năm 1953, Đại hội đồng LHQ đã giao cho Ủy ban Luật quốc tế thực hiện pháp điển hóa các văn bản điều chỉnh về trách nhiệm của các quốc gia và sau gần 48 năm một Dự thảo Công ước "*Về trách nhiệm của quốc gia vì các hành vi trái luật quốc tế*" được hoàn thành và được LHQ thông qua vào năm 2001. Hiện nay, đây là Công ước quốc tế duy nhất quy định về trách nhiệm quốc gia với nội dung đã được pháp điển hóa và hệ thống hóa, còn trách nhiệm đối với tổ chức quốc tế đang được Ủy ban Luật quốc tế tiếp tục soạn thảo. Chú ý rằng, Điều 57 đã quy định Công ước không áp dụng đối với các tổ chức quốc tế hoặc quốc gia thực hiện hành vi vì tổ chức quốc tế, nhưng trong nội dung Công ước lại có các quy phạm chung có hiệu lực đối với tất cả các chủ thể của Luật quốc tế.

Từ các phân tích nói trên, chúng ta có thể kết luận rằng chế định trách nhiệm quốc tế bắt

⁽¹⁾ Những phiên tòa đầu tiên do Tòa án Quân sự Quốc tế (International Military Tribunal - IMT) triệu tập (1945-1946) để xét xử 24 nhân vật quan trọng cùng 6 tổ chức của Đức Quốc xã. Mỗi nước Đồng minh Anh quốc, Pháp, Nga và Hoa Kỳ được cử một chánh án chính, một chánh án dự khuyết và công tố. Có 12 án tử hình, 3 án tù chung thân, 4 án tù 10-20 năm, 3 tha bổng, 1 người được miễn xử vì thiếu sức khỏe, 1 người tự tử trước khi xét xử. Án tử hình được thi hành bằng cách treo cổ thay vì xử bắn để tỏ rõ hành vi là tội ác, không phải là hành động theo nhiệm vụ trong cuộc chiến.
http://vi.wikipedia.org/wiki/T%C3%B2a_%C3%A1n_N%C3%BCnberg

đầu hình thành vào những năm cuối thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX gắn với các sự kiện quan trọng là sự thành lập và hoạt động của HQL và LHQ. Chế định này đã chính thức được hệ thống hóa và pháp điển hóa với tên gọi là Công ước "Về trách nhiệm của quốc gia vì các hành vi trái Luật quốc tế" năm 2001.

3. Các quan điểm lý luận của chế định trách nhiệm pháp lý quốc tế

Mỗi trường phái pháp lý có một cách hiểu về chế định trách nhiệm pháp lý quốc tế. Ví dụ, đại diện cho trường phái pháp lý của Đức thế kỷ XVIII cho rằng trách nhiệm gắn liền với chủ quyền quốc gia, do đó trách nhiệm bồi thường thiệt hại gây ra cho quốc gia khác phụ thuộc vào ý chí của quốc gia. Luận cứ này thiếu sự công bằng trong thực tiễn, vì quốc gia không thể viện dẫn đến chủ quyền quốc gia để lẩn tránh hành vi vi phạm luật quốc tế, vi phạm quyền và lợi ích của quốc gia khác; hoặc khi soạn thảo luật tố tụng quốc tế năm 1880, A.G. Heffter đã đưa vào các chế định pháp luật điều chỉnh thủ tục giải quyết tranh chấp quốc tế bằng phương pháp không dùng quyền chiến tranh[1]; năm 1909, P.E. Kazan tiếp tục ủng hộ sử dụng phương tiện hòa bình giải quyết các bất đồng quốc tế [2].

Có rất nhiều khái niệm về trách nhiệm pháp lý quốc tế, ví dụ trách nhiệm có thể được hiểu là quan hệ pháp lý quốc tế có liên quan đến thiệt hại do một quốc gia này gây ra cho một quốc gia khác vì các hành vi trái luật [3]; trách nhiệm là các hệ quả pháp lý tiêu cực cho chủ thể luật quốc tế đã vi phạm cam kết quốc tế [4]. Trách nhiệm pháp lý quốc tế bao gồm các dấu hiệu: thực hiện các hành vi trái luật quốc tế; hướng đến bảo đảm và duy trì trật tự pháp lý quốc tế; liên quan đến xác định hành vi tiêu cực cho chủ thể vi phạm; được thực hiện trong một thủ tục đặc biệt.

Một số nhà khoa học cho rằng luật trách nhiệm quốc tế có liên quan đến luật nhân đạo, luật an ninh quốc tế, luật điều ước quốc tế và là một ngành của luật quốc tế, gồm các nguyên tắc

và các quy phạm xác định hậu quả pháp lý của hành vi trái luật đối với chủ thể Luật quốc tế, bao gồm cả thiệt hại gây ra từ các hoạt động phù hợp với Luật quốc tế [5].

Theo các khái niệm trên chúng ta thấy có hai loại trách nhiệm: trách nhiệm vì hành vi trái luật và trách nhiệm vì hành vi không trái luật nhưng gây ra thiệt hại.

Theo Nghị quyết 56/83 (2001) của Đại hội đồng LHQ, chủ thể Luật quốc tế có các hành vi trái luật đều phải chịu trách nhiệm pháp lý quốc tế (đ.1), tức là mỗi hành vi (hành động hoặc không hành động) trái luật đều dẫn tới trách nhiệm pháp lý quốc tế⁽²⁾. Ví dụ, trong vụ về vịnh Corfu, Tòa án quốc tế LHQ đã ra phán quyết trách nhiệm cho Albania vì cho rằng Albania đã biết hoặc cần phải biết thủy lôi hiện có trong lãnh hải của mình, nhưng đã không thông báo cho Vương quốc Anh [6], dẫn đến hai tàu khu trục "Somarez" và "Voledzh" của Anh gặp nạn khi đi qua vô hại ở phía bắc vịnh Corfu thuộc lãnh hải của Albania.

Ngoài ra, một quốc gia có thể còn chịu trách nhiệm vì hành vi của một quốc gia khác, khi quốc gia đó thực hiện hành vi vi phạm dưới sự chỉ đạo hoặc kiểm soát của mình⁽³⁾. Như vậy, nguyên tắc trách nhiệm trong Luật quốc tế là nguyên tắc được công nhận chung có tính bắt buộc (Jus cogens), là cơ sở cho một ngành luật quốc tế độc lập - luật trách nhiệm quốc tế.

Trách nhiệm pháp lý quốc tế được hiểu là việc khôi phục lại trật tự pháp lý quốc tế thông qua việc áp dụng những hạn chế nhất định về vật chất hoặc phi vật chất đối với quốc gia có hành vi vi phạm luật quốc tế hoặc xâm phạm đến quyền của quốc gia khác, kể cả quyền của quốc gia bị thiệt hại áp dụng những hạn chế này với mục đích đảm bảo sự tuân thủ các quy phạm Luật quốc tế.

⁽²⁾ Nghị quyết của Đại hội đồng Liên hợp quốc 56/83 (12/12/2001) "Về trách nhiệm của các quốc gia vì các hành vi trái Luật quốc tế". <http://www.un.org/russian/document/gadoocs/56sess/res6ctc.htm>.

⁽³⁾ Nghị quyết đã dẫn. Các Điều 16, 17, 18 và 19.

Theo quan điểm hậu quả, các quan hệ pháp luật này được thể hiện qua việc khôi phục lại quyền đã bị vi phạm, hoặc bồi thường thiệt hại vật chất, hoặc thông qua các chế tài bất kỳ, hoặc các biện pháp trừng phạt có tính đơn phương hoặc tập thể đối với quốc gia vi phạm các cam kết quốc tế. Đối với hậu quả gây ra khi hoạt động hợp pháp thì phải có trách nhiệm bồi thường tương ứng với thiệt hại. Như vậy, trách nhiệm trong luật quốc tế luôn dựa trên cơ sở đã được định chế bằng pháp luật, cơ sở đó là các hành vi vi phạm luật quốc tế hoặc thiệt hại gây ra từ hoạt động không trái với luật quốc tế.

4. Trách nhiệm của các quốc gia vi phạm các cam kết quốc tế

Quốc gia vi phạm cam kết quốc tế khi có các hành vi không phù hợp với các nghĩa vụ mà quốc gia đó đã cam kết⁽⁴⁾. Cam kết có thể xuất hiện trên cơ sở các quy phạm tập quán và quy phạm điều ước, từ các quyết định của tổ chức quốc tế, tòa án quốc tế hoặc văn bản đơn phương của chủ thể luật quốc tế.

Hậu quả vi phạm pháp luật phụ thuộc vào mức độ nguy hiểm cho xã hội và thiệt hại mà hành vi đó gây ra, tức là hành vi càng nghiêm trọng thì có thể dẫn đến thiệt hại càng nhiều. Dựa trên tiêu chí thời gian, trong lý luận luật quốc tế có hai loại vi phạm pháp luật: *Một là*, sự vi phạm Luật quốc tế xảy ra tại thời điểm thực hiện một hành vi trái luật (không thường xuyên), ví dụ như việc chiếm đóng trái phép một quốc gia mà không có sự phê chuẩn về việc đó của LHQ; và *Hai là*, có tính chất thường xuyên, tức là luôn đang trong quá trình thực hiện⁽⁵⁾.

Để xác định một hành vi vi phạm luật quốc tế cần xét đến các yếu tố như: hành vi; chủ thể; khách thể (đối tượng bị xâm hại); thiệt hại; và mối quan hệ nhân quả. Chú ý rằng, thực tiễn quan hệ pháp luật quốc tế hiện nay không xem hành vi “lỗi” của chủ thể vi phạm là một trong

các yếu tố có tính điều kiện để xác định trách nhiệm pháp lý quốc tế [8].

Yếu tố thứ nhất, vi phạm pháp luật có thể thực hiện bằng các hành vi chủ động hoặc thụ động, kể cả không hành động. Đó là hành vi trái luật được Luật quốc tế quy định và dự kiến trừng phạt nếu vi phạm (Nghị quyết số 56/83 của Đại hội đồng LHQ về trách nhiệm), tức là có sự vi phạm cam kết trái Luật quốc tế, quốc gia vi phạm luật quốc tế khi hành vi của quốc gia đó không phù hợp với các nội dung mà chính họ đã cam kết, không phụ thuộc vào nguồn gốc hoặc tính chất⁽⁶⁾.

Yếu tố thứ hai, chủ thể chịu trách nhiệm về vi phạm Luật quốc tế, có thể chỉ là các chủ thể của luật công, mà trước hết là các quốc gia và các tổ chức quốc tế. Tuy nhiên, Công ước "*Về trách nhiệm của quốc gia vì các hành vi trái Luật quốc tế*" (2001) không điều chỉnh thủ tục truy cứu trách nhiệm đối với tổ chức quốc tế, kể cả trường hợp quốc gia hành động vì tổ chức quốc tế⁽⁷⁾.

Yếu tố về khách thể, tức là lợi ích mà vì nó chủ thể đã thực hiện hành vi xâm phạm trái luật. Trong Luật quốc tế, khách thể có thể vật chất, ví dụ như tài sản, hoặc là lợi ích phi vật chất, ví dụ như hòa bình và an ninh, danh dự, nhân phẩm và quyền bất khả xâm phạm của các cơ quan ngoại giao và lãnh sự.

Yếu tố thiệt hại là dấu hiệu tất yếu cấu thành hành vi trái luật, là cơ sở đặc biệt quan trọng để đưa ra các trừng phạt. Thiệt hại vật chất gồm hai loại: thiệt hại thực tế (tức là thiệt hại tài sản) và thiệt hại vì bỏ lỡ cơ hội (tức là thiệt hại mà vì hành vi trái luật đã làm mất khả năng tạo ra lợi ích). Thiệt hại phi vật chất, ví dụ như sự hạn chế chủ quyền quốc gia, hoặc làm cho suy giảm uy tín của quốc gia.

Yếu tố về quan hệ nhân-quả, tức là giữa hành vi trái luật và hậu quả do hành vi trái luật gây ra cho bên bị hại. Công ước "*Về trách nhiệm của quốc gia vì các hành vi trái Luật*

⁽⁴⁾ Nghị quyết đã dẫn. Điều 12

⁽⁵⁾ Nghị quyết đã dẫn. K.1 và 2, Điều 14

⁽⁶⁾ Nghị quyết đã dẫn. Điều 12

⁽⁷⁾ Nghị quyết đã dẫn. Điều 57

quốc tế" năm 2001 (k.2, đ.31) quy định trách nhiệm bồi thường đầy đủ chỉ phát sinh trong trường hợp thiệt hại gây ra bởi các hành vi trái Luật quốc tế có liên quan đến thiệt hại, tức là chỉ phải bồi thường cho thiệt hại là kết quả của hành vi trái luật gây ra, mà không phải là các hậu quả khác liên quan tới hành vi trái luật. Đôi khi, quan hệ nhân-quả rất khó xác định vì thiệt hại được gây ra bởi nhiều yếu tố. Ví dụ, vụ gây ra thiệt hại cho hai chiếc tàu Anh trong eo biển Corfu, không chỉ vì Albania đã không thông báo về ngư lôi có dưới nước, mà còn có liên quan đến quốc gia thứ ba đã đặt ngư lôi trước đó, do đó, việc truy cứu trách nhiệm không chỉ đối với Albania, mà còn với cả quốc gia đã đặt ngư lôi [6]⁽⁸⁾.

Từ những phân tích trên, chúng tôi cho rằng cơ sở truy cứu trách nhiệm pháp lý quốc tế là sự vi phạm các cam kết quốc tế đã được định chế bằng các quy phạm của Luật quốc tế và sự hiện diện của các yếu tố cấu thành vi phạm pháp luật, bao gồm: hành vi, chủ thể, khách thể, thiệt hại và quan hệ nhân-quả giữa hành vi trái luật gây nguy hiểm cho xã hội và hậu quả của hành vi đó.

5. Các loại và hình thức trách nhiệm pháp lý quốc tế

Trách nhiệm pháp lý quốc tế được thể hiện trong các loại và hình thức xác định, trách nhiệm pháp lý quốc tế khác với trách nhiệm pháp lý quốc gia, trong luật quốc gia thường không chia thành trách nhiệm chính trị hoặc không có các hình thức trách nhiệm như sự hài lòng, v.v... Trong ấn phẩm pháp lý quốc tế đã có sự giải thích khác nhau về các hình thức trách nhiệm quốc tế và thuật ngữ tương ứng, thuật ngữ thường đa nghĩa vì cùng một sự kiện có thể có các quan điểm khác nhau phản ánh về bản chất của một vấn đề [7].

Chúng tôi đồng ý với phần lớn các tác giả khi xem hình thức trách nhiệm phi vật chất theo

hướng truyền thống là khôi phục lại, làm hài lòng hoặc áp dụng các chế tài. Tuy nhiên, cần kết hợp áp dụng các biện pháp trừng phạt với trách nhiệm vật chất đối với quốc gia vi phạm, các hình thức phổ biến nhất của trách nhiệm chính trị là đáp trả thiếu thân thiện, trả đũa, làm hài lòng, khôi phục lại, tạm đình chỉ thành viên, khai trừ khỏi tổ chức quốc tế hoặc trấn áp kẻ xâm lược bằng sức mạnh theo quy định của Hiến chương LHQ; còn hình thức trách nhiệm vật chất xuất hiện trong trường hợp quốc gia vi phạm các cam kết quốc tế và gây ra thiệt hại vật chất, trách nhiệm có thể biểu hiện dưới hình thức là bồi thường, thay thế và đền bù.

Trong lý luận Luật quốc tế, trách nhiệm phi vật chất thường có ba loại: đạo đức, chính trị, chính trị-đạo đức. Có quan điểm cho rằng, trách nhiệm đạo đức không tồn tại, còn trách nhiệm phi vật chất chỉ là trách nhiệm chính trị, vì thuật ngữ "đạo đức" có ý nói đến cơ sở ngoài pháp luật, trong khi đó trách nhiệm trong Luật quốc tế có thể chỉ dựa trên cơ sở của pháp luật, mà không phải là đạo đức. Công ước "*Về trách nhiệm của quốc gia vì các hành vi trái Luật quốc tế*" năm 2001 (đ.31) đã quy định chính phủ có trách nhiệm phải bồi thường đầy đủ thiệt hại do hành vi trái Luật quốc tế của mình gây ra, thiệt hại là tổn thất bất kỳ cả về vật chất và tinh thần. Việc phân loại thành trách nhiệm vật chất và phi vật chất là phân loại có điều kiện và cần thiết để áp dụng trách nhiệm trong thực tiễn.

Điều 34 Công ước đã quy định về hình thức bồi thường, theo đó bồi thường đầy đủ thiệt hại gây ra do hành vi vi phạm Luật quốc tế được thực hiện dưới các hình thức: phục hồi, hoàn lại, hoặc kết hợp cả hai hình thức đó theo nội dung chương II Phần 2 Công ước.

Các hình thức trách nhiệm phi vật chất bao gồm:

Một là, trừng phạt (sanction) là biện pháp tiêu cực được áp dụng đối với quốc gia (có thể đối với cả tổ chức quốc tế) vi phạm các cam kết quốc tế, tuy nhiên biện pháp và loại trừng phạt phụ thuộc vào mức độ hành vi nguy hiểm cho

⁽⁸⁾ Бекашев К.А. Международное публичное право, М., 2005. С. 196

xã hội và tổng thể thiệt hại đã gây ra. Ví dụ, đối với quốc gia xâm lược có thể áp dụng các biện pháp như: hạn chế tạm thời chủ quyền quốc gia; chiếm đóng một phần lãnh thổ; chiếm đóng sau chiến tranh; phi quân sự hóa toàn phần hoặc từng phần lãnh thổ; cấm không được trang bị loại vũ khí nào đó; bao vây kinh tế; tạm đình chỉ các quan hệ ngoại giao, kinh tế, giao thông vận tải hoặc các quan hệ khác.

Các biện pháp trừng phạt vì xâm phạm đến hòa bình và an ninh quốc tế đã được trù định tại các điều 39, 41 và 42 Hiến chương LHQ và trong các Hiến chương của một số tổ chức quốc tế khu vực. Các biện pháp trừng phạt nêu trên gần như đã áp dụng đối với Đức, Ý và Nhật Bản sau kết thúc Thế chiến II. Năm 1945, các quốc gia đồng minh đã giành cho mình quyền lực tối cao, thực hiện việc giải trừ vũ khí và phi quân sự hóa Đức, loại bỏ các tổ chức Đức Quốc xã, đồng thời nhấn mạnh hình phạt là hình thức trách nhiệm có thể được áp dụng cho những tội ác khi vi phạm nghiêm trọng Luật quốc tế. Ví dụ, các biện pháp trừng phạt áp dụng đối với Iraq, loại bỏ lực lượng vũ trang, buộc Iraq phải rút quân khỏi lãnh thổ Kuwait và cấm Iraq sở hữu vũ khí tên lửa hoặc vũ khí hóa học [6]⁽⁹⁾.

Hai là, đáp trả thiếu thân thiện (retorsion), là hành vi trừng phạt được một quốc gia này thực thi nhằm chống lại một quốc gia khác với mục đích nhằm phục hồi quyền đã bị vi phạm. Hành vi này thể hiện dưới các hình thức: triệu hồi đại sứ về nước; trục xuất người có hàm, cấp ngoại giao tương tự giữa hai quốc gia; hoặc cấm nhập cảnh. Ví dụ, năm 1995, Litva đã triệu hồi đại sứ từ Latvia để phản đối một thỏa thuận thăm dò các giếng dầu đã được ký kết giữa Latvia với một số công ty phương Tây. Theo quan điểm của Litva, lãnh thổ mà trên đó sẽ tiến hành công việc thăm dò là đang có tranh chấp và dự định kế hoạch khai thác có thể gây thiệt hại đến chủ quyền và các lợi ích của Litva [6]⁽¹⁰⁾.

Ba là, trả đũa (reprecalia) là hành vi của một quốc gia đối với quốc gia có hành vi trái

luật, nhằm mục đích khôi phục các quyền đã bị vi phạm, thiệt hại cần khôi phục phải tương đương với thiệt hại đã gây ra. Các hành vi trả đũa có thể bao gồm: cắt các quan hệ ngoại giao; cấm xuất khẩu các loại hàng hoá và các dịch vụ từ lãnh thổ của quốc gia vi phạm. Ví dụ, năm 1994, Tổng thống Hoa Kỳ đã ký Luật "*Về các biện pháp trừng phạt Cuba*" để đáp trả vụ máy bay tiêm kích quân sự Cuba tấn công máy bay dân sự của tổ chức di trú làm bốn phi công thiệt mạng; tạm ngừng các chuyến bay giữa Mỹ và Cuba, đặt ra các rào cản mới cho các nhà ngoại giao Cuba, kể cả các công ty nước ngoài kinh doanh tại Cuba [6]⁽¹¹⁾. Trả đũa cần phải chấm dứt nếu đã nhận được sự làm cho hài lòng từ bên đối diện. Luật quốc tế hiện đại nghiêm cấm áp dụng trả đũa bằng vũ trang với tính chất là phương tiện để giải quyết các tranh chấp, ngoại trừ khi áp dụng quyền tự vệ khi bị xâm lược quy định tại điều 51 Hiến chương LHQ.

Bốn là, sự hài lòng (satisfaction) là tạo điều kiện cho quốc gia vi phạm các cam kết quốc tế làm thỏa mãn cho quốc gia bị tổn hại về danh dự và nhân phẩm, làm hài lòng quốc gia bị hại có thể bằng các hình thức: có lời xin lỗi chính thức; thể hiện sự hối tiếc, thương xót hay đồng cảm với việc đã xảy ra; bảo đảm rằng những hành vi như vậy sẽ không xảy ra trong tương lai. Ví dụ, tháng 10/1994, tại nhà ga phía đông ở Warsaw, các công dân Nga đã bị cướp, cảnh sát đã giải quyết khiếu nại và trấn áp bọn cướp. Sau đó, trong chuyến thăm Nga, Bộ trưởng Bộ Nội vụ Ba Lan đã đưa ra lời xin lỗi chính thức [6]⁽¹²⁾. Làm hài lòng cho quốc gia bị thiệt hại chỉ thực sự có ý nghĩa khi áp dụng hình thức phục hồi hoặc hình thức bù lại không thể đảm bảo được sự đền bù đầy đủ.

Sự hài lòng là một phương tiện để đền bù thiệt hại, không đặt dưới áp lực đánh giá tài chính, không cần thiết mang đặc điểm trừng phạt hoặc dự báo các chế tài sẽ trừng phạt hoặc không nên áp dụng có tính chất làm nhục.

Năm là, sự khôi phục (restoration) là sự phục hồi lại tình trạng ban đầu của khách thể

⁽⁹⁾ Sdd. tr.195

⁽¹⁰⁾ Sdd. tr.196

⁽¹¹⁾ Sdd. tr.197

⁽¹²⁾ Sdd. tr.198

(vật chất) nào đó. Ví dụ, khôi phục lại độ trong sạch của nước bị ô nhiễm vì lỗi của mình đã gây ra.

Ngoài ra, còn các hình thức trách nhiệm đặc biệt khác như tạm đình chỉ các quyền và đặc quyền ở tổ chức quốc tế, tước quyền biểu quyết, quyền đại diện cho đến khi khai trừ khỏi tổ chức quốc tế. Ví dụ, vì hành vi xâm lược Phần Lan (mặc dù hai nước Liên Xô và Phần Lan đã ký kết điều ước “Về không xâm phạm lẫn nhau” năm 1932) nên Liên Xô đã bị trục xuất khỏi Hội quốc liên năm 1940.

Trách nhiệm vật chất bao gồm các hình thức sau đây:

Một là, đền bù (reparation) là việc bồi thường thiệt hại vật chất được thể hiện bằng tiền, hàng hoá hoặc các dịch vụ. Tổng số thiệt hại cần đền bù, theo nguyên tắc, thường ít hơn nhiều so với thiệt hại thực tế gây ra bởi chiến tranh. Ví dụ, theo quyết định của Hội nghị Crum (1945), Đức phải đền bù lên tới 20 tỷ USD, mặc dù trên thực tế thiệt hại đã gây ra cho Liên Xô khi đó rất khó có thể bù đắp; hoặc theo phán quyết của tòa án quốc tế (ICJ) LHQ (1996) chính phủ Hoa Kỳ đã bồi thường cho Iran 131 triệu USD vì vụ quân đội Mỹ bắn rơi máy bay dân sự Iran [6]⁽¹³⁾.

Hai là, phục hồi (restitution) là việc xây dựng lại tình trạng đã tồn tại trước khi bị hành vi vi phạm pháp luật xâm hại. Một trong các hình thức phục hồi là trả lại hiện vật tài sản đã bị quốc gia tham chiến tịch thu trái phép từ lãnh thổ của quốc gia đối địch. Đối tượng phục hồi có thể là tài sản bị tịch thu bất hợp pháp trong thời bình hoặc việc huỷ bỏ một văn bản pháp luật bất kỳ nào đó. Trong thực tiễn tư pháp đã phổ biến thuật ngữ “phục hồi pháp luật”, tức là làm thay đổi tình huống pháp lý, ví dụ: rà soát, bãi bỏ hoặc sửa đổi điều khoản của luật đã được thông qua vi phạm các quy phạm Luật quốc tế; xem xét lại các phán quyết tư pháp trái luật đã được thông qua đối với người hoặc tài sản.

Trong một số trường hợp có thể áp dụng hai hình thức phục hồi là vật chất và pháp lý. Ví dụ, năm 1993, Viện thường trực của Tòa án trọng tài LHQ đã phán quyết rằng Tiệp Khắc có trách nhiệm phục hồi lại bất động sản như tình trạng ban đầu cho Trường Đại học Tổng hợp của Hungary theo yêu cầu của Trường này mà không cần một sự thương lượng nào khác.

Ba là, sự thay thế (substitution) là một dạng biến thể của hình thức phục hồi thiệt hại, là sự thay thế tài sản bị phá hủy hoặc bị làm hư hỏng trái Luật quốc tế.

Bốn là, bù lại (compensation) là một dạng trách nhiệm vật chất quy định cho quốc gia gây ra thiệt hại mà không thể đền bù bằng sự phục hồi, thiệt hại này thường có liên quan đến các quan hệ tài chính, bao gồm cả việc bị mất lợi ích do bỏ lỡ cơ hội. Đây là loại hình thức trách nhiệm tương đối phổ biến. Bù lại, theo thông lệ, được dự định thanh toán bằng một khoản tiền. Ví dụ, trong vụ việc về tàu "Saiga" Saint Vincent và Grenadines đòi Guinea bồi thường sau việc bắt và giữ trái phép tàu "Saiga" và thù thù đoàn. Tòa án quốc tế LHQ về luật biển đã ra phán quyết bồi thường thiệt hại với số tiền là 2.123.357 USD (đô la Mỹ) [6]⁽¹⁴⁾.

Qua các phân tích trên đây, chúng ta thấy có hai loại trách nhiệm pháp lý quốc tế, đó là: trách nhiệm vật chất và trách nhiệm phi vật chất. Trách nhiệm vật chất bao gồm đền bù, phục hồi, thay thế và bù lại. Trách nhiệm phi vật chất bao gồm trừng phạt, đáp trả thiếu thân thiện, trả đũa, sự hải lòng, sự khôi phục và các hình thức trách nhiệm đặc biệt như việc tạm đình chỉ các quyền và đặc quyền ở tổ chức quốc tế, tước quyền biểu quyết, quyền đại diện cho đến mức độ khai trừ ra khỏi tổ chức quốc tế.

6. Kết luận

Chế định trách nhiệm pháp lý quốc tế đã bắt đầu hình thành trước công nguyên, khi các quốc gia đầu tiên xuất hiện và ký kết với nhau các

⁽¹³⁾ Sđd. tr.198

⁽¹⁴⁾ Sđd. tr.199

điều ước và các thỏa thuận quốc tế, trong đó đã ghi nhận các cam kết về các quyền và nghĩa vụ để làm cơ sở cho việc áp dụng các chế tài trừng phạt khi có sự vi phạm các nội dung đã định ước hoặc thỏa hiệp, tức là vi phạm các cam kết quốc tế. Tuy nhiên, khi đó chưa tồn tại một cơ chế chung thống nhất để duy trì trật tự và khôi phục các quyền bị vi phạm. Một cơ chế cần thiết như vậy chỉ được hình thành trong thế kỷ XX, khi các quốc gia thấy sự cần thiết phải thành lập ra các cơ quan đặc biệt, hoạt động trên cơ sở các quy phạm chung của Luật quốc tế quy định trách nhiệm cho các chủ thể Luật quốc tế.

Chế định trách nhiệm trong Luật quốc tế được hình thành gắn liền với kết thúc thế chiến I và sự kiện thành lập HQL, phản ánh sự phát triển tiến bộ của Luật quốc tế. Nhưng nếu cho rằng trước HQL, không có văn bản nào định chế về trách nhiệm là cách nói có tính áp đặt, vì trước đó đã tồn tại nhiều tài liệu liên quan đến trách nhiệm quốc tế, nhưng theo quy luật, các tài liệu thường được ký kết giữa hai hay một số quốc gia nên có hiệu lực hạn chế, không là phổ cập đối với cộng đồng quốc tế. Giai đoạn hình thành chế định trách nhiệm có thể kết thúc vào năm 1924 khi HQL thông qua Nghị định thư "*Về giải quyết hòa bình các tranh chấp*", nhưng văn bản này lại không có hiệu lực. Vì vậy, xét theo quan điểm pháp lý, thế chiến thứ hai xảy ra là tất yếu, bởi vì thiếu khuôn khổ pháp lý và sức mạnh thực sự để HQL phòng ngừa chiến tranh. Chỉ sau khi LHQ được thành lập (1945) và thông qua Hiến chương quy định nguyên tắc hòa bình giải quyết các tranh chấp quốc tế, chúng ta mới có thể khẳng định kết thúc quá trình hình thành chế định trách nhiệm pháp lý quốc tế. Từ năm 1945, LHQ đã chủ động xây dựng và pháp điển hoá các quy phạm về trách nhiệm pháp lý quốc tế nên Công ước "*Về trách nhiệm của quốc gia vì các hành vi trái Luật quốc tế*" đã được thông qua năm 2001, hiện nay LHQ đã và đang hệ thống hóa các quy phạm về trách nhiệm đối với các tổ chức quốc tế.

Vấn đề trách nhiệm pháp lý quốc tế có tính chất rất đặc biệt, đa dạng và khá phức tạp. Sự phát triển và việc pháp điển hoá các quy phạm

và các nguyên tắc về trách nhiệm trong luật pháp quốc tế đòi hỏi phải có sự phân tích và thỏa thuận về nhiều vấn đề, mà mỗi yếu tố cấu thành phải được xem xét toàn diện và có tính tới những thay đổi đang xảy ra trong lĩnh vực Luật quốc tế.

Luật quốc tế không chỉ thiết lập các quy tắc hành vi của các chủ thể, mà còn trừu tượng hóa các quy phạm và các nguyên tắc để đảm bảo sự tuân thủ các quy tắc đó, một trong các công cụ pháp lý quốc tế quan trọng nhất đó là nguyên tắc trách nhiệm quốc tế của các chủ thể Luật quốc tế khi vi phạm các cam kết quốc tế, kể cả thiệt hại gây ra trong hoạt động hợp pháp ở các phạm vi cụ thể của sự hợp tác giữa các quốc gia.

Sự phát triển của Luật quốc tế nói chung và chế định trách nhiệm nói riêng là một quá trình có sự liên quan giữa thiết lập, điều chỉnh và hoàn thiện các quy tắc hành vi của các quốc gia, cũng như các quy phạm và các nguyên tắc nhằm đảm bảo việc thực thi các hành vi đó. Tuy nhiên, vào thời điểm hiện tại, việc soạn thảo các quy phạm và các nguyên tắc về trách nhiệm trong Luật quốc tế còn chưa hoàn thiện, vì còn thiếu và chưa pháp điển hóa các quy phạm và các nguyên tắc về trách nhiệm pháp lý đối với các tổ chức quốc tế, mặc dù công việc này đã được giao cho Ủy ban Luật quốc tế LHQ thực thi. Như vậy, nhiệm vụ của luật quốc tế hiện đại là phải lấp đầy chỗ "đột" pháp luật nói trên. Pháp điển hoá và phát triển các quy phạm và các nguyên tắc trách nhiệm pháp lý quốc tế có thể là một điều kiện tối quan trọng cho việc tiếp tục phát triển Luật quốc tế nói chung, bởi vì chính các quy phạm và các nguyên tắc đó sẽ tác động trực tiếp đến cộng đồng quốc tế và sẽ nhận được sự phản biện từ thực tiễn.

Tài liệu tham khảo

- [1] A.V. Gefter, *Luật quốc tế châu Âu*, St Petersburg, NXB Khoa học, Matxcova, 1988.
- [2] P.E. Kazan, *Giới thiệu về Luật quốc tế*, Odessa, NXB Khoa học, Matxcova, 1988.

- [3] I.U.M. Kolosov, *Luật quốc tế*, Matxcova, 2000.
- [4] *Chuyên san Ủy ban Luật quốc tế*, Matxcova, Tập 2, Phần 2 (1984) 120.
- [5] I.I. Lukashuk, *Luật trách nhiệm quốc tế*, Matxcova, 2004.
- [6] K.A. Bekyashev, *Luật quốc tế*, Matxcova, 2005.
- [7] I.A. Brownlie, *Luật quốc tế*, Matxcova, 1977.
- [8] *Giáo trình Luật quốc tế*, Trường Đại học Luật Hà Nội, NXB Công an Nhân dân, 2004.

International liability

Le Van Binh

VNU School of Law, 144 Xuan Thuy, Hanoi, Vietnam

National interests in international relations is always associated with international responsibility of that country. In the spirit of rule of law, international legal responsibility has been shown to be one of the prerequisites to maintain peace and establish international legal order in general, resolved or "reconcile" benefit interests between the countries involved in international legal relations in particular. This is an important issue that the author would like to exchange with readers.